

Số: **726** /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **13** tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường Dự án xây dựng cầu, đường hai đầu cầu Đăk Bla mới và vượt nối với các đường hiện hữu thuộc dự án tuyến tránh thành phố Kon Tum**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 346/TTr-STNMT ngày 11/7/2018 và ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 1782/HĐTĐGD ngày 03/7/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường Dự án xây dựng cầu, đường hai đầu cầu Đăk Bla mới và vượt nối với các đường hiện hữu, thuộc dự án tuyến tránh thành phố Kon Tum, chi tiết có Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PVP<sub>NNTN</sub>);
- Lưu: VT-NNTN2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**



## PHỤ LỤC

Giá đất cụ thể tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng cầu, đường hai đầu cầu Đăk Blá mới và vượt nối với các đường hiện hữu thuộc dự án tuyến tránh thành phố Kon Tum  
(Kèm theo Quyết định số 726 /QĐ-UBND ngày 13 /7/2018 của UBND tỉnh)

Stt	Tên đơn vị hành chính, vị trí, loại đất	Giá đất theo QĐ số 72/2014/QĐ-UBND (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 (lần)	Hệ số điều chỉnh tăng giá đất (lần)	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Đất ở nông thôn xã Đăk Blá</b>				
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 24 (đoạn từ cầu Chà Mòn - Hết Cửa hàng vật liệu xây dựng Lâm Loan)</b>				
-	Chiều sâu lô đất từ 50 mét trở xuống	500.000	1,6	7,5	3.750.000
-	Chiều sâu lô đất trên 50 mét	300.000	1,6	7,5	2.250.000
<b>2</b>	<b>Giá đất ở các khu vực khác</b>				
<b>a</b>	<b>Thôn Kon Tu 1, Kon Tu 2</b>				
-	Đường nhựa hoặc bê tông	70.000	1,0	16,72	1.170.400
-	Đường đất sau lưng Trường Trung học cơ sở Lê Đình Chinh	70.000	1,0	15,43	1.080.100
<b>b</b>	<b>Các khu dân cư còn lại</b>				
-	Các khu dân cư còn lại	60.000	1,17	16,0	960.000
<b>II</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ</b>				
-	Các khu dân cư còn lại xã Đăk Blá	48.000	1,17	16,0	768.000
<b>III</b>	<b>Đất nông nghiệp thuộc xã Đăk Blá và xã Đăk Rơ Wa</b>				
<b>1</b>	Đất trồng cây hàng năm khác	24.000	1,26	6,06	145.440
<b>2</b>	Đất trồng cây lâu năm	18.000	1,26	7,88	141.840
<b>3</b>	Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn	36.000	1,44	4,18	150.480
<b>4</b>	<b>Đất trồng lúa nước</b>				
-	Đất trồng lúa nước 02 vụ	38.000	1,1	3,85	146.300
-	Đất trồng lúa nước 01 vụ	26.000	1,1	3,85	100.100
<b>5</b>	Đất nuôi trồng thủy sản	22.000	1,1	4,74	104.280